GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
**HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **217** /QĐ-HĐTS

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk Nhiệm kỳ I (2026 - 2031)

## CHỦ TỊCH
## HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- *Căn cứ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo;*
- *Căn cứ Công văn số 9353/UBND-NC ngày 24/6/2026 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk;*
- *Căn cứ Tờ trình số 261/TTr-BTS ngày 06/7/2026 của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ I (2026-2031).*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ I (2026-2031), gồm 09 thành viên Chứng minh Ban Trị sự; 105 thành viên Ban Trị sự *(Ban Thường trực 35 vị, Ủy viên 60 vị, Ủy viên dự khuyết 10 vị)* do Thượng tọa Thích Nguyên Minh làm Trưởng ban. *(đính kèm danh sách)*

**Điều 2:** Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk và các vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Điều 3:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:***
- Như điều 2;
- Bộ DTTG, Ban TGCP;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- UBMTTQVN tỉnh Đắk Lắk;
- Sở DTTG tỉnh Đắk Lắk;
- PA02 CA tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: VP1, VP2.

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC**
**CHỦ TỊCH**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

**Hòa thượng Thích Thiện Nhơn**

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0031
Số: 217/QĐ-HĐTS · 06/08/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
**HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# DANH SÁCH
# BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH ĐẮK LẮK
# NHIỆM KỲ I (2026-2031)

(Theo Quyết định số: **217** /QĐ-HĐTS ngày 06/8/2026)

## A. CHỨNG MINH BAN TRỊ SỰ: 09 vị.

1. Hòa thượng Thích Tâm Thủy
2. Hòa thượng Thích Giác Chí
3. Hòa thượng Thích Châu Quang
4. Hòa thượng Thích Đồng Tiến
5. Hòa thượng Thích Giác Tiến
6. Hòa thượng Thích Quảng Phát
7. Hòa thượng Thích Quảng Giải
8. Hòa thượng Thích Thông Hòa
9. Ni trưởng Thích nữ Chúc Tâm

## B. BAN TRỊ SỰ: 105 thành viên.

### I. Ban Thường trực: 35 vị.

| STT | PHÁP DANH/THẾ DANH | NĂM SINH | CHỨC VỤ |
|---|---|---|---|
| 1 | **TT. Thích Nguyên Minh** (Đặng Minh Quang) | 1972 | Trưởng Ban Trị sự, phụ trách Tăng sự |
| 2 | **TT. Thích Giác Phổ** (Lâm Sơn Đạt) | 1970 | Phó Trưởng ban Thường trực Ban Trị sự |
| 3 | **TT. Thích Hải Thông** (Hoàng Văn Trí) | 1961 | Phó Trưởng ban Trị sự |
| 4 | **TT. Thích Trí Nghĩa** (Lê Thành Nhân) | 1968 | Phó Trưởng ban Trị sự |
| 5 | **ĐĐ. Thích Chúc Phát** (Nguyễn Minh Huy) | 1975 | Phó Trưởng ban kiêm Chánh Thư ký |
| 6 | **TT. Thích Quảng Huy** (Lê Kim Hoàng) | 1972 | Phó Trưởng ban Trị sự |

| STT | PHÁP DANH/THẾ DANH | NĂM SINH | CHỨC VỤ |
|---|---|---|---|
| 7 | **TT. Thích Quảng Tế** (Nguyễn Văn Hòa) | 1972 | Phó Trưởng ban Trị sự |
| 8 | **ĐĐ. Thích Nguyên Huấn** (Đỗ Anh Tuấn) | 1982 | Phó Trưởng ban Trị sự |
| 9 | **TT. Thích Vạn Năng** (Đỗ Văn Cường) | 1975 | Phó Trưởng ban Trị sự |
| 10 | **Ni sư Thích nữ Chơn Như** (Nguyễn Thị Thừa) | 1963 | Phó Trưởng ban, Trưởng Phân ban Ni giới |
| 11 | **ĐĐ. Thích Minh Phương** (Phan Ngọc Quý) | 1971 | Phó Chánh Thư ký kiêm Chánh Văn phòng, phụ trách Thông tin Truyền thông |
| 12 | **ĐĐ. Thích Quảng Bá** (Nguyễn Ngọc Tùng) | 1976 | Phó Chánh Thư ký, phụ trách Văn phòng Thường trực |
| 13 | **ĐĐ. Thích Minh Đăng** (Nguyễn Anh Thy) | 1979 | Ủy viên Thường trực, phụ trách Kinh tế - Tài chánh, Từ thiện - Xã hội |
| 14 | **TT. Thích Quảng Phục** (Lê Trường Chinh) | 1977 | Ủy viên Thường trực, phụ trách Phật giáo Quốc tế |
| 15 | **ĐĐ. Thích Hải Nguyện** (Trần Anh Khoa) | 1980 | Ủy viên Thường trực, phụ trách Hoằng pháp - Hướng dẫn Phật tử |
| 16 | **ĐĐ. Thích Giác Kiến** (Võ Văn Ba) | 1975 | Ủy viên Thường trực, phụ trách Giáo dục Phật giáo |
| 17 | **ĐĐ. Thích Minh Giáo** (Hoàng Văn Thi) | 1980 | Ủy viên Thường trực, phụ trách Văn hóa - Nghi lễ |
| 18 | **ĐĐ. Thích Huệ Khải** (Võ Tấn Hiếu) | 1983 | Ủy viên Thường trực, phụ trách Pháp chế - Kiểm soát |
| 19 | **ĐĐ. Thích Quảng Nguyện** (Nguyễn Văn Xuân) | 1983 | Ủy viên Thường trực |
| 20 | **TT. Thích Nguyên Tân** (Bùi Văn Sửu) | 1977 | Ủy viên Thường trực |
| 21 | **TT. Thích Minh Lợi** (Nguyễn Văn Quý) | 1975 | Ủy viên Thường trực |
| 22 | **ĐĐ. Thích Nhuận Tài** (Hoàng Văn Tăng) | 1973 | Ủy viên Thường trực |
| 23 | **ĐĐ. Thích Minh Huệ** (Lê Tiến Anh Khôi) | 1982 | Ủy viên Thường trực |
| 24 | **ĐĐ. Thích Pháp Huệ** (Nguyễn Bảo Định) | 1977 | Ủy viên Thường trực - Thủ quỹ |
| 25 | **ĐĐ. Thích Quảng Hội** (Trần Minh Hợp) | 1981 | Ủy viên Thường trực |
| 26 | **ĐĐ. Thích Chúc Khánh** (Trần Minh Thảo) | 1984 | Ủy viên Thường trực |

| STT | PHÁP DANH/THẾ DANH | NĂM SINH | CHỨC VỤ |
|---|---|---|---|
| 27 | **TT. Thích Huệ Minh** (Trần Bình Hiệp) | 1978 | Ủy viên Thường trực |
| 28 | **ĐĐ. Thích Giác Quả** (Phan Thanh Đặng) | 1982 | Ủy viên Thường trực |
| 29 | **ĐĐ. Thích Thánh Dự** (Nguyễn An Chương) | 1994 | Ủy viên Thường trực |
| 30 | **ĐĐ. Thích Lệ Ngạn** (Nguyễn Minh Huy) | 1986 | Ủy viên Thường trực |
| 31 | **ĐĐ. Thích Từ Trung** (Nguyễn Xuân Lợi) | 1983 | Ủy viên Thường trực |
| 32 | **ĐĐ. Thích Phương Trọng** (Trương Công Trường) | 1987 | Ủy viên Thường trực |
| 33 | **TT. Thích Tuệ Phước** (Nguyễn Hữu Dư) | 1974 | Ủy viên Thường trực |
| 34 | **NS. Thích nữ Liên Mai** (Lâm Thị Sương) | 1968 | Ủy viên Thường trực |
| 35 | **SC. Thích nữ Tâm Thanh** (Nguyễn Thị Kim Duyên) | 1979 | Ủy viên Thường trực - Thủ quỹ |

**II. Ủy viên Ban Trị sự: 60 vị**

| STT | PHÁP DANH/THẾ DANH | NĂM SINH | CHỨC VỤ |
|---|---|---|---|
| 1 | **ĐĐ. Thích Nhuận Nghiêm** (Đinh Hữu Trí) | 1977 | Ủy viên |
| 2 | **ĐĐ. Thích Quảng Sơn** (Đỗ Minh Hải) | 1985 | Ủy viên |
| 3 | **ĐĐ. Thích Quảng Bổn** (Võ Ngọc Nguyên) | 1988 | Ủy viên |
| 4 | **ĐĐ. Thích Quảng Hòa** (Đào Đức Hiệp) | 1981 | Ủy viên |
| 5 | **ĐĐ. Thích Quảng Dũng** (Huỳnh Văn Trí) | 1984 | Ủy viên |
| 6 | **ĐĐ. Thích Chúc Thuận** (Lê Thanh Mẫn) | 1979 | Ủy viên |
| 7 | **ĐĐ. Thích Quảng Nghiêm** (Tạ Tấn Tịnh) | 1980 | Ủy viên |
| 8 | **ĐĐ. Thích Nguyên Trụ** (Phan Thanh Vẫn) | 1983 | Ủy viên |
| 9 | **ĐĐ. Thích Quảng Niệm** (Võ Văn Tiệm) | 1981 | Ủy viên |

| STT | PHÁP DANH/THẾ DANH | NĂM SINH | CHỨC VỤ |
|---|---|---|---|
| 10 | **ĐĐ. Thích Quảng Học** (Nguyễn Minh Cần) | 1986 | Ủy viên |
| 11 | **ĐĐ. Thích Tâm Lượng** (Tô Đông Đại) | 1989 | Ủy viên |
| 12 | **ĐĐ. Thích Thông Thiện** (Nguyễn Đình Thực) | 1979 | Ủy viên |
| 13 | **ĐĐ. Thích Đạt Ma Quang Hải** (Lưu Hoàng Tú) | 1978 | Ủy viên |
| 14 | **ĐĐ. Thích Tâm Hội** (Nguyễn Mạnh Hải) | 1977 | Ủy viên |
| 15 | **ĐĐ. Thích Nhuận Tánh** (Phan Quốc Bản) | 1995 | Ủy viên |
| 16 | **TT. Thích Thường Tâm** (Nguyễn Thanh Sơn) | 1973 | Ủy viên |
| 17 | **ĐĐ. Thích Minh Hương** (Nguyễn Văn Phước) | 1990 | Ủy viên |
| 18 | **ĐĐ. Thích Tuệ Lương** (Nguyễn Trường Hạ) | 1988 | Ủy viên |
| 19 | **ĐĐ. Thích Nhuận Ngọc** (Nguyễn Văn Châu) | 1993 | Ủy viên |
| 20 | **ĐĐ. Thích Nhuận Thông** (Dương Xuân Cường) | 1981 | Ủy viên |
| 21 | **ĐĐ. Thích Tịnh Quang** (Phùng Thái Hội) | 1982 | Ủy viên |
| 22 | **ĐĐ. Thích Nhuận Nghĩa** (Nguyễn Văn Trung) | 1985 | Ủy viên |
| 23 | **ĐĐ. Thích Nguyên Thân** (Dương Ngọc Vinh) | 1977 | Ủy viên |
| 24 | **ĐĐ. Thích Huệ Nghiêm** (Lê Ngọc Lộc) | 1988 | Ủy viên |
| 25 | **ĐĐ. Thích Chơn Hạnh** (Huỳnh Đức) | 1974 | Ủy viên |
| 26 | **ĐĐ. Thích Như Tâm** (Nguyễn Văn Lộc) | 1985 | Ủy viên |
| 27 | **ĐĐ. Thích Giác Đồng** (Phan Văn Tuấn) | 1985 | Ủy viên |
| 28 | **ĐĐ. Thích Minh Hạnh** (Lê Hữu Trường Hải) | 1975 | Ủy viên |
| 29 | **TT. Thích Nguyên Hạnh** (Lê Xuân Công) | 1971 | Ủy viên |

| STT | PHÁP DANH/THẾ DANH | NĂM SINH | CHỨC VỤ |
|---|---|---|---|
| 30 | **ĐĐ. Thích Tâm Định**<br>(Hồ Xuân Trung) | 1983 | Ủy viên |
| 31 | **ĐĐ. Thích Giác Thăng**<br>(Hồ Hiệp) | 1971 | Ủy viên |
| 32 | **ĐĐ. Thích Minh Không**<br>(Phạm Văn Sĩ) | 1982 | Ủy viên |
| 33 | **ĐĐ. Thích Giác Điều**<br>(Phan Hùng Linh) | 1976 | Ủy viên |
| 34 | **ĐĐ. Thích Tịnh Trường**<br>(Nguyễn Văn Khánh) | 1992 | Ủy viên |
| 35 | **ĐĐ. Thích Chúc Thiện**<br>(Huỳnh Hoàng Lưu) | 1983 | Ủy viên |
| 36 | **ĐĐ. Thích Quảng Thiện**<br>(Lê Thành Nam) | 1991 | Ủy viên |
| 37 | **ĐĐ. Thích Nhuận Bảo**<br>(Bùi Thành Hậu) | 1992 | Ủy viên |
| 38 | **NS. Thích nữ Thánh Phúc**<br>(Bùi Thị Mai Thảo) | 1970 | Ủy viên |
| 39 | **NS. Thích nữ Tâm Phương**<br>(Nguyễn Thị Ngọc Lan) | 1973 | Ủy viên |
| 40 | **NS. Thích nữ Minh Tiến**<br>(Nguyễn Võ Thị Thanh Loan) | 1971 | Ủy viên |
| 41 | **NS. Thích nữ Viên Thắng**<br>(Nguyễn Thị Hiền) | 1969 | Ủy viên |
| 42 | **SC. Thích nữ Nguyên Đường**<br>(Trần Thị Cam) | 1978 | Ủy viên |
| 43 | **SC. Thích nữ Tâm Phúc**<br>(Nguyễn Thị Thọ) | 1976 | Ủy viên |
| 44 | **SC. Thích nữ Nhuận Hải**<br>(Hồ Như Thủy) | 1980 | Ủy viên |
| 45 | **SC. Thích nữ Tuệ Hải**<br>(Huỳnh Thị Tố Vân) | 1977 | Ủy viên |
| 46 | **SC. Thích nữ Bổn Tánh**<br>(Võ Thị Xuân) | 1981 | Ủy viên |
| 47 | **NS. Thích nữ Viên Trí**<br>(Võ Thị Đông) | 1975 | Ủy viên |
| 48 | **SC. Thích nữ Nguyên Tịnh**<br>(Nguyễn Thị Phương Thảo) | 1987 | Ủy viên |
| 49 | **NS. Thích nữ Hiếu Liên**<br>(Lê Thị Sen) | 1969 | Ủy viên |

| STT | PHÁP DANH/THẾ DANH | NĂM SINH | CHỨC VỤ |
|---|---|---|---|
| 50 | **NS. Thích nữ Thảo Liên** (Nguyễn Thị Kim Cúc) | 1964 | Ủy viên |
| 51 | **NS. Thích nữ Trí Minh** (Nguyễn Thị Lành) | 1962 | Ủy viên |
| 52 | **SC. Thích nữ Diệu Hòa** (Trần Thị Mỹ Lệ) | 1976 | Ủy viên |
| 53 | **SC. Thích nữ Như Tín** (Nguyễn Thị Hiệp) | 1972 | Ủy viên |
| 54 | **SC. Thích nữ Chơn Khiêm** (Nguyễn Trần Hoài Thương) | 1975 | Ủy viên |
| 55 | **SC. Thích nữ Liên Thanh** (Nguyễn Thị Ngọc Hiền) | 1984 | Ủy viên |
| 56 | **SC. Thích nữ Hướng Liên** (Lê Thị Nhứt) | 1975 | Ủy viên |
| 57 | **Cư sĩ Quảng Hoàng** (Nguyễn Thị Phượng) | 1971 | Ủy viên |
| 58 | **Cư sĩ Thiện Hảo** (Tạ Đông Triều) | 1967 | Ủy viên |
| 59 | **Cư sĩ Tuệ Đức Quy** (Nguyễn Ngọc Đức) | 1962 | Ủy viên |
| 60 | **Phật tử Quảng Lịch** (Lê Văn Sang) | 1973 | Ủy viên |

**III. Ủy viên dự khuyết: 10 vị**

| STT | PHÁP DANH/THẾ DANH | NĂM SINH | CHỨC VỤ |
|---|---|---|---|
| 1 | **ĐĐ. Thích Chúc Hạnh** (Trần Công Đức) | 1987 | Ủy viên dự khuyết |
| 2 | **ĐĐ. Thích Quảng Tiến** (Đỗ Tiến Nhanh) | 1987 | Ủy viên dự khuyết |
| 3 | **ĐĐ. Thích Quảng Thiên** (Trương Văn Hạo) | 1992 | Ủy viên dự khuyết |
| 4 | **ĐĐ. Thích Quảng Trí** (Nguyễn Tấn Phát) | 1996 | Ủy viên dự khuyết |
| 5 | **SC. Thích nữ Nguyên Dung** (Đặng Thị Thu) | 1967 | Ủy viên dự khuyết |
| 6 | **ĐĐ. Thích Quảng Phú** (Huỳnh Ngọc Triệu) | 1992 | Ủy viên dự khuyết |
| 7 | **ĐĐ. Thích Ngộ Hạnh** (Bùi Ngọc Hiếu) | 1996 | Ủy viên dự khuyết |

| STT | PHÁP DANH/THẾ DANH | NĂM SINH | CHỨC VỤ |
|---|---|---|---|
| 8 | **ĐĐ. Thích Nhuận Huy**<br>(Nguyễn Văn Thuận) | 1990 | Ủy viên dự khuyết |
| 9 | **ĐĐ. Thích Nguyên Đức**<br>(Trần Ngọc Tài) | 1995 | Ủy viên dự khuyết |
| 10 | **Cư sĩ Nguyên Lại**<br>(Huỳnh Vĩnh Phúc) | 1974 | Ủy viên dự khuyết |

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC**
**CHỦ TỊCH**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

**Hòa thượng Thích Thiện Nhơn**

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0031
Số: 217/QĐ-HĐTS · 06/08/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc